TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-6-2021
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ
2. Ông Đặng Văn Đê

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Nữ Lệ Chi- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1963

Địa chỉ: khu phố 6, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961

Địa chỉ: khu phố 6, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận số 28 ngày 19/7/1995. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại thành phố B, cuộc sống hạnh phúc và

sinh được 02 con chung. Thời gian sau này giữa các bên có xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Đến năm 2010 ông S bỏ nhà đi đâu không rõ, gia đình đã đi tìm kiếm và áp dụng các biện pháp tìm kiếm nhưng không biết tin tức gì về ông S; bà C đã yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu tuyên bố ông S mất tích. Ngày 26/4/2021 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu giải quyết và chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C, tuyên bố ông S mất tích. Nay bà C khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Quá trình chung sống bà C và ông S hiện nay có 02 con chung tên cháu O, sinh ngày 01/02/1998 và cháu K, sinh ngày 26/7/2002. Hiện nay các con đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên bà C không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S: Tại quyết định số 02/2021/QĐST-VDS ngày 26/4/2021 Tòa án nhân dân thành phố B đã chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C, tuyên bố ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1961; nơi cư trú cuối cùng: Số phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mất tích.

Từ thời điểm bị tuyên bố mất tích đến nay ông S không trở về và không ai biết hiện nay ông ở đâu. Tòa án đã thụ lý vụ án hôn nhân theo yêu cầu của bà C và tiến hành thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có ý kiến: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, việc xét xử vắng mặt bị đơn và trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn; Về con chung do 02 con đã trưởng thành và tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn". Căn cứ vào kết quả xác minh thì bị đơn có nơi cư trú tại phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S đã bị Tòa án giải quyết tuyên bố mất tích theo Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015; qua kết quả xác minh sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình thì bị đơn vẫn không trở về nên tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị C và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại phường L, thành phố B vào năm 1995 theo đúng quy định, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai người con chung, trong khoảng thời gian từ năm 2009 - 2010 giữa các bên thường xảy ra những mâu thuẫn xung đột mà không thể tự hòa giải, chính vì vậy đến năm 2010 ông S tự bỏ nhà ra đi, không nói với ai. Bà C đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không biết tin tức gì về ông S nên đã yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố ông S mất tích theo quy định của pháp luật.

Tại quyết định số 02/2021/QĐST-VDS ngày 26/4/2021 Tòa án nhân dân thành phố B đã chấp nhận yêu cầu của bà C, tuyên bố ông Nguyễn Văn S mất tích. Nay bà C đơn phương yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Văn S, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú thì xác định ông S vẫn không trở về. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Như vậy xác định mục đích tốt đẹp của hôn nhân là cùng nhau chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Bà C ông S có 02 con chung tên cháu O và cháu K, các con hiện đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên bà C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà C được ly hôn với ông S.

Về con chung: Có hai con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị C nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003706 ngày 19/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà C đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người

vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường L;
  (Số 28, ngày 19/7/1995);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh